
Bản án số:13/2018/DS-PT

Ngày 18 tháng 01 năm 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Cao Văn Hiếu

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hằng-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 86/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: X4 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-Bị đơn: Bà Thái Thị Thanh U, sinh năm: 1988 và ông Lê Khắc T1, sinh năm: 1987; Cùng địa chỉ: X40/3 đường D, thành phố Đà Nẵng (đều có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 và bà U:

Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh N (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Khắc T2, sinh năm: 1989 và bà Lưu Huyền T, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: X40 đường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (ông Lê Khắc T2 vắng mặt, bà Lưu Huyền T có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lưu Huyền T:

Ông Dư Ngọc T, Luật sư-Văn phòng Luật sư N-Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn P sinh năm: 1972-bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: X2 đường L, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng (đều có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Thái Thị Thanh U, ông Lê Khắc T1, ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng ông T1 và bà U có mượn tôi tổng cộng 700.000.000đ (thời gian từ tháng 12/2006 đến 23/01/2017 âm lịch), mượn nhiều lần và mỗi lần mượn đều có viết giấy mượn tiền. Ông T1 bà U có hẹn ngày trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc trả tiền mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu. Bà U ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên tôi khởi kiện yêu cầu bà U trả 400.000.000đ. Ông T1 bà U trả 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

-Bà Thái Thị Thanh U và đại diện theo ủy quyền của bà U trình bày:

Bà T khởi kiện yêu cầu ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U trả số tiền nợ 700.000.000đ, bà U chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền 400.000.000đ. Còn số tiền 300.000.000đ là khoản nợ của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H và đã giải quyết xong trong vụ án khác.

Bà U chấp nhận trả 300.000.000đ nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần nên yêu cầu được trả dần hàng tháng. Đây là nợ riêng của bà U, không liên quan đến ông Lê Khắc T1 nên bà U có trách nhiệm trả số tiền này

-Ông Lê Khắc T1 trình bày:

Tôi là chồng bà Thái Thị Thanh U nhưng tôi không biết số nợ 700.000.000đ của bà T. Nợ này tôi không biết, không ký giấy nợ và tôi không sử dụng số tiền nợ này. Đây là nợ riêng của vợ tôi nên vợ tôi phải có trách nhiệm trả, tôi không liên quan gì.

Tôi chỉ biết khoản nợ 300.000.000đ vợ chồng tôi nợ của ông P, bà H và khoản nợ đã được giải quyết xong tại một vụ án khác. Theo tôi biết bà U chỉ nợ bà T số tiền 400.000.000đ và số tiền này là nợ riêng của bà U, không liên quan với tôi.

Tôi đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với căn hộ chung cư số Xa2 tại Khu chung cư KX04/3 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc sang tên cho vợ chồng ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T.

-Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T trình bày:

Tôi không có ý kiến đối với khoản nợ giữa bà Thái Thị Thanh U, ông Lê Khắc T1 và bà Nguyễn Thị T.

Tôi đề nghị hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với căn hộ chung cư số Xa2 tại Khu chung cư KX04/3 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng để thực hiện việc sang tên cho vợ chồng ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T. Vì việc này bà T đã cam kết tại văn phòng công chứng là sẽ rút đơn để các bên làm thủ tục chuyển nhượng căn hộ chung cư.

-Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 26/12/2016, vợ chồng ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U vay chúng tôi 300 triệu đồng, có lập hợp đồng vay tiền có công chứng chứng thực. Ông T1, bà U giao giấy tờ nhà chung cư Xa2 tại Khu chung cư KX04/3 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho vợ chồng tôi giữ. Do bà U, ông T1 vi phạm việc trả tiền nên chúng tôi đã khởi kiện ra Tòa và ông T1, bà U đã trả đủ tiền gốc lãi cho chúng tôi nên chúng tôi đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Chúng tôi xác nhận số nợ 300 triệu đồng ngày 26/12/2016 là nợ vợ chồng chúng tôi, không liên quan đến ai.

Nay ông T1, bà U cho rằng số nợ trên là nợ của bà Nguyễn Thị T trong số nợ 700 triệu đồng bà T đang khởi kiện là không đúng. Việc ông T1 bà U nợ bà T thế nào chúng tôi hoàn toàn không biết và không liên quan gì cả. Chúng tôi không liên quan gì trong vụ án mà bà T đang khởi kiện tại Tòa án

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

1. Căn cứ: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Nguyễn Thị T đối với vợ chồng bà Thái Thị Thanh U và ông Lê Khắc T1, xử:

-Buộc vợ chồng bà Thái Thị Thanh U, ông Lê Khắc T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000đ.

-Buộc bà Thái Thị Thanh U phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000đ.

3. Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân quận K sẽ được hủy bỏ khi có căn cứ quy định tại điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 150 triệu đồng theo Giấy nộp tiền ngày 08/5/2017 vào tài khoản số: 2003206195872 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát

triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh quận K thành phố Đà Nẵng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng bà Thái Thị Thanh U ông Lê Khắc T1 phải chịu 15.000.000đ; bà Thái Thị Thanh U phải chịu 20.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 16.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 3397 ngày 04/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với khoản nợ 300 triệu đồng; Ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; Xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị T; Xác minh làm rõ hành vi lừa đảo của bà Nguyễn Thị T, chuyển hồ sơ sang cho cơ quan điều tra.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017 ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án; Sau khi thảo luận và nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị Thanh U và ông Lê Khắc T1 trả số tiền 300.000.000đ là căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 23/12/2016 và khởi kiện bà Thái Thị Thanh U trả số tiền: 400.000.00đ là căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 17/01/2017 số tiền: 150.000.000đ, ngày 23/01/2017 số tiền: 100.000.000đ và giấy nợ ngày 29/01/2017 số tiền: 150.000.000đ.

[2] Tại Bản án số: 40/2017/DS-ST ngày 25/9/2017, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T, buộc bà U trả cho bà T 400.000.000đ, buộc bà U và ông T1 trả cho bà T 300.000.000đ. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm còn ban hành Quyết định số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2017, phong tỏa tài sản của bà Thái Thị Thanh U và ông Lê Khắc T1 là căn hộ chung cư Xa2 tại Khu chung cư KX04/3 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng mà bà U và ông T1 đã chuyển nhượng cho ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T. Ông T1 bà U kháng cáo không đồng ý trả số tiền 300.000.000đ tại giấy mượn tiền ngày 23/12/2016 và đề nghị hủy quyết định áp dụng; đề nghị xem xét việc bà T có dấu hiệu hình sự. Ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T kháng cáo yêu cầu hủy quyết áp dụng biện pháp Quyết định số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2017.

[3] Trước hết, xem xét kháng cáo của ông T1 bà U đối với số tiền 300.000.000đ thì thấy: Tại đơn đính chính ngày 18/9/2017 bà U xác định là “*trên thực tế số tiền 300.000.000 VNĐ đó là tôi vay của bà Nguyễn Thị T mà người đứng trên trong hợp đồng cho bà Nguyễn Thị T là vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H*”; “*Một lần nữa tôi khẳng định là tôi không có vay 300.000.000đ của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H*”. Như vậy, bà U xác định là bà có vay của bà T số tiền 300.000.000đ, do đó bà U phải thanh toán số tiền này cho bà T. Bà T cho bà U vay mượn nhiều lần theo thói quen trong dân gian là đều với hình thức viết giấy tay, không có cơ quan có thẩm quyền xác thực. Còn số nợ giữa ông P và bà H với bà U và ông T1 được các bên lập hợp đồng, có đảm bảo nghĩa vụ là căn hộ chung cư số Xa2 tại Khu chung cư KX04/3 đường D, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CE 678549 ngày 13 tháng 12 năm

2016, được Phòng Công chứng K xác nhận ngày 26/12/2016. Nếu trong trường hợp cho rằng số tiền 300.000.000đ bà U lập hợp đồng vay với ông P và bà H chính là số tiền 300.000.000đ mà bà U vay của bà T thì khi lập hợp đồng vay, bà U phải yêu cầu bà T trả lại giấy nợ ngày 23/12/2016 hoặc xác nhận số tiền 300.000.000đ lập hợp đồng vay với ông P và bà H chính là số tiền bà U nợ bà T theo giấy vay ngày 23/12/2016. Việc ông T1 và bà U trả cho ông P và bà H 300.000.000đ đã được ông P và bà H xác nhận nhưng không có căn cứ xác định số tiền mà bà U và ông T1 đã trả cho ông P và bà H chính là số tiền nợ bà T. Trong trường hợp nếu có căn cứ cho rằng số tiền 300.000.00đ mà bà U và ông T1 đã thanh toán cho ông P và bà H chính là số tiền bà U và ông T1 nợ bà T thì bà U và ông T1 có quyền yêu cầu ông P và bà H trả lại số tiền vì ông P và bà H không phải là chủ nợ. Do đó kháng cáo của ông T1 và bà U về số tiền 300.000.000đ là không có căn cứ.

[4] Đối với kháng cáo của các đương sự về việc đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2017, HĐXX thấy: Theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các đương sự có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án về quyết định đó nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông T1 và bà U cũng như sau này là ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T không có khiếu nại. Mặt khác, do ông T1 và bà U khai là căn hộ chung cư đã chuyển nhượng cho ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T nên cấp sơ thẩm đưa ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhằm đảm bảo quyền lợi cho ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T nhưng căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì đến nay Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T chưa phải là chủ sở hữu hợp pháp đối với căn hộ chung cư mà vẫn thuộc sở hữu của ông T1 và bà U. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lưu Huyền T khai khi nhận chuyển nhượng chung cư bà và ông Lê Khắc T2 biết việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng vẫn nhận chuyển nhượng là không hợp pháp.

[5] Theo quy định tại Điều 139 bộ luật tố tụng dân sự thì khi Tòa án ra quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự thì quyết định này sẽ có hiệu lực thi hành ngay, hay nói cách khác là sẽ không thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng khi Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T có đơn kháng cáo đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2017, cấp sơ thẩm yêu cầu ông Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T nộp dự phí kháng cáo, để cấp phúc thẩm xem xét việc kháng cáo của Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T là không đúng với quy định. Cấp phúc thẩm trả lại cho Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T số tiền 300.000đ đã nộp.

Do quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không phải là đối tượng kháng cáo nên HĐXX không xem xét quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Lê Khắc T2 và bà Lưu Huyền T cũng như kháng cáo của ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U về việc hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, như quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

Ngoài ra, ông T1 và bà U kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét việc bà T có hành vi chiếm đoạt tiền của ông bà. HĐXX thấy: Yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên, ngày 19 tháng 12 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số: 25/CSĐT trả lời cho ông T1 là sự việc ông T1 yêu cầu là vụ việc dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th đại diện cho ông T1 và bà U yêu cầu HĐXX xem xét thời hiệu khởi kiện đối với giấy nợ ngày 23 tháng 12 năm 2016 vì theo bà Th: Căn cứ “*Giấy mượn tiền*” thì ngày trả nợ là ngày 23 tháng 12 năm 2017 chứ không phải ngày 23 tháng 02 năm 2017. HĐXX xét thấy: Không có căn cứ để xác định ngày 23 tháng 12 năm 2017 là thời hạn để bà U và ông T1 trả số tiền 300.000.000đ. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra*

bản án, quyết định giải quyết vụ việc”. Tại cấp phúc thẩm, bà Th mới yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000đ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T1 và bà U phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Khắc T1 bà Thái Thị Thanh U. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với ông Lê Khắc T1 và bà Thái Thị Thanh U.

1.1. Buộc bà Thái Thị Thanh U và ông Lê Khắc T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

1.2. Buộc bà Thái Thị Thanh U phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2017 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo

đảm số: 01/2017/QĐ-BPBD ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Thái Thị Thanh U và ông Lê Khắc T1 phải chịu: 15.000.000đ.

4.2. Bà Thái Thị Thanh U phải chịu: 20.000.000đ

5/ Hoàn cho bà Nguyễn Thị T 16.000.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số: 0003397 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng

II/ Ông Lê Khắc T1 bà Thái Thị Thanh U phải chịu 300.000đ án phí DSPT, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí DSPT (biên lai thu số: 007557 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng).

III/ Hoàn cho ông Lê Khắc T2 bà Lưu Huyền T 300.000đ (biên lai thu số: 007556 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng).

IV/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng.
- TAND quận K.
- Chi cục THADS quận K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Chí Trung

